

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 25/08/2018

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Kết quả	Ghi chú
					Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT01	Đặng Ngọc Anh	09/7/1996	Nam Hoa - Nam Trực - Nam Định	5,5	5,5	Đạt	
2	CNTT02	Phạm Thị Phương Anh	22/7/1997	Tiền An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,5	5,0	Đạt	
3	CNTT03	Trần Thị Vân Anh	19/9/1998	Bồ Hạ - Yên Thế - Bắc Giang	6,0	3,0	Không đạt	
4	CNTT04	Nguyễn Trọng Bằng	20/10/1979	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	7,0	Đạt	
5	CNTT05	Chu Thị Bích	02/10/1993	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	5,7	5,0	Đạt	
6	CNTT06	Nguyễn Hữu Chung	15/10/1998	Mộc Châu - Sơn La	8,5	8,0	Đạt	
7	CNTT07	Nguyễn Văn Chung	23/9/1973	Tam Dị - Lục Nam - Bắc Giang	5,2	6,0	Đạt	
8	CNTT08	Ngô Văn Cường	26/3/1986	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	6,0	Đạt	
9	CNTT09	Nguyễn Thanh Cường	14/11/1986	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
10	CNTT10	Triệu Thị Diệu	07/11/1994	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	6,2	5,0	Đạt	
11	CNTT11	Nguyễn Thị Doanh	26/6/1975	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	5,2	5,5	Đạt	
12	CNTT12	Hồ Trọng Dũng	09/5/1996	Quỳnh Thắng - Quỳnh Lưu - Nghệ An	6,2	5,0	Đạt	
13	CNTT13	Nguyễn Văn Dũng	27/8/1996	Tân Trung - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	Đạt	
14	CNTT14	Nguyễn Văn Dương	28/5/1991	Quất Lâm - Giao Thủy - Nam Định	5,2	5,5	Đạt	
15	CNTT15	Lê Đình Đạo	26/9/1977	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	5,5	5,5	Đạt	
16	CNTT16	Đoàn Thành Đạt	11/8/1995	Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng	7,0	8,5	Đạt	
17	CNTT17	Lương Thị Đạt	17/4/1997	Phúc Thắng - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	
18	CNTT18	Lương Văn Đình	07/4/1967	Lạng Giang - Bắc Giang	9,5	5,5	Đạt	
19	CNTT19	Nguyễn Tiến Đô	12/9/1996	Gia Bình - Bắc Ninh	9,7	8,5	Đạt	
20	CNTT20	Trần Minh Đức	20/11/1996	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	9,5	5,0	Đạt	
21	CNTT21	Nguyễn Tài Hải	10/9/1969	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	5,0	5,0	Đạt	

22	CNTT22	Nguyễn Thị Hải	10/11/1996	Hưng Thái - Ninh Giang - Hải Dương	7,5	7,0	Đạt	
23	CNTT23	Trung Thị Hằng	13/10/1993	Tân Chi - Tiên Du - Bắc Ninh	6,2	5,5	Đạt	
24	CNTT24	Hồ Thu Hiền	31/12/1986	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	Đạt	
25	CNTT25	Lê Thị Minh Hiền	05/9/1996	Định Trung - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	9,0	5,5	Đạt	
26	CNTT26	Mê Thị Hiền	12/3/1997	Quế Sơn - Sơn Động - Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	
27	CNTT27	Nguyễn Đức Hiền	04/7/1964	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	6,5	Đạt	
28	CNTT28	Thân Ngọc Hiền	12/8/1997	Song Mai - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,5	9,0	Đạt	
29	CNTT28A	Ngô Khắc Thành Đạt	16/10/1996	Trường Giang - Nông Cống - Thanh Hóa	8,7	9,0	Đạt	
30	CNTT29	Tổng Thị Thu Hiền	16/8/1994	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	
31	CNTT30	Nguyễn Thị Hoa	19/10/1973	Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	
32	CNTT31	Lương Tiến Hoàng	08/9/1996	Tiên Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
33	CNTT32	Hoàng Thị Hồng	12/12/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	3,5	3,5	Không đạt	
34	CNTT33	Nguy Thị Bích Hồng	21/7/1995	Vĩnh Khương - Sơn Động - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
35	CNTT34	Bùi Văn Huân	03/03/1977	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,2	7,5	Đạt	
36	CNTT35	Dương Quốc Hùng	13/9/1982	Thọ Xương - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	8,0	9,0	Đạt	
37	CNTT36	Đỗ Văn Hùng	22/02/1981	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	6,2	5,5	Đạt	
38	CNTT37	Lê Văn Huy	25/9/1996	Mỹ Độ - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
39	CNTT38	Thân Văn Huy	08/3/1997	Tiên Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	2,2	2,0	Không đạt	
40	CNTT39	Hoàng Thị Huyền	10/8/1995	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	Đạt	
41	CNTT40	Nguyễn Thị Hương	02/9/1986	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	6,2	6,5	Đạt	
42	CNTT41	Nguyễn Văn Hương	05/11/1979	Xuân Hương - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	6,0	Đạt	
43	CNTT42	Đặng Văn Khánh	25/8/1997	Van An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	3,0	5,5	Không đạt	
44	CNTT43	Ngô Đức Khánh	19/4/1974	Tân Thanh - Lạng Giang - Bắc Giang	7,2	5,0	Đạt	
45	CNTT44	Vũ Thị Khánh	02/9/1998	Cẩm Hoàng - Cẩm Giàng - Hải Dương	9,5	9,5	Đạt	
46	CNTT45	Lương Thị Minh Khôi	10/07/1986	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
47	CNTT46	Đỗ Thị Là	02/7/1970	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,7	6,5	Đạt	
48	CNTT47	Nguyễn Thị Thúy Lan	06/7/1985	Mai Tùng - Hạ Hòa - Phú Thọ	8,2	8,5	Đạt	

49	CNTT48	Quách Thị Lan	06/8/1996	Hạ Bì - Kim Bôi - Hòa Bình	4,2	0,0	Không đạt	
50	CNTT49	Nguyễn Văn Lâm	08/10/1982	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	
51	CNTT50	Nguyễn Thanh Liêm	15/01/1981	Hoàng Đan - Tam Dương - Vĩnh Phúc	6,5	5,0	Đạt	
52	CNTT51	Trịnh Xuân Long	25/01/1996	Phù Đồng - Gia Lâm - Hà Nội	6,2	4,0	Không đạt	
53	CNTT52	Hoàng Thị Luyến	17/7/1985	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	6,5	8,0	Đạt	
54	CNTT53	Phan Tuấn Lưu	17/9/1997	Đổng Đa - Quảng Uyên - Cao Bằng	6,5	5,0	Đạt	
55	CNTT53A	Thân Mạnh Quỳnh	22/11/1975	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,5	Đạt	
56	CNTT54	Dương Văn Lý	30/8/1997	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	9,5	Đạt	
57	CNTT55	Phạm Văn Mạnh	27/5/1997	Thạch Bình - Nho Quan - Ninh Bình	9,5	9,0	Đạt	
58	CNTT56	Phản Lở Mây	15/9/1997	Trịnh Tường - Bát Xát - Lào Cai	9,2	8,5	Đạt	
59	CNTT57	Vũ Thị Kim Ngân	03/3/1997	Lê Lợi - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,0	7,5	Đạt	
60	CNTT58	Mạc Văn Nghị	10/02/1976	Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	6,0	Đạt	
61	CNTT59	Nguyễn Văn Nguyên	03/6/1995	Việt Thống - Quế Võ - Bắc Ninh	6,5	2,0	Không đạt	
62	CNTT60	Trần Thị Minh Nguyệt	21/5/1998	Quý Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,7	7,0	Đạt	
63	CNTT61	Đào Thị Nhã	08/01/1998	Đông Tiến - Yên Phong - Bắc Ninh	6,7	8,0	Đạt	
64	CNTT62	Hà Vi Nhã	27/4/1993	Tam Thanh - TP.Lạng Sơn - Lạng Sơn	6,2	5,5	Đạt	
65	CNTT63	Dương Thị Nhung	22/8/1996	Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	8,5	8,0	Đạt	
66	CNTT64	Hán Văn Ninh	30/8/1980	Lạng Giang - Bắc Giang	9,2	6,5	Đạt	
67	CNTT65	Nông Văn Phụng	26/3/1972	Cầm Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,7	6,5	Đạt	
68	CNTT66	Phan Thị Bích Phương	10/8/1997	Ngô Quyền - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	9,0	7,0	Đạt	
69	CNTT67	Đoàn Vinh Quang	20/02/1996	Bình Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	4,0	2,5	Không đạt	
70	CNTT68	Nguyễn Hồng Quang	28/11/1983	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
71	CNTT69	Nguyễn Trung Quang	16/3/1995	Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	Bỏ thi
72	CNTT70	Nguyễn Văn Quang	19/02/1998	Liên Chung - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	7,5	Đạt	
73	CNTT71	Phạm Công Quang	17/02/1998	Quang Minh - Gia Lộc - Hải Dương	5,2	6,0	Đạt	
74	CNTT72	Phạm Văn Quang	10/01/1996	Bình Sơn - Triệu Sơn - Thanh Hóa	-	-	-	Bảo lưu
75	CNTT73	Ngô Quang Quảng	05/8/1964	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	5,0	5,5	Đạt	

76	CNTT74	Lưu Văn	Quân	18/4/1983	Đồng Sơn - TP.Bắc Giang - Bắc Giang	7,2	8,5	Đạt	
77	CNTT75	Nguyễn Công	Quân	06/01/1997	Trường Sơn - Nông Cống - Thanh Hóa	7,2	6,0	Đạt	
78	CNTT76	Nguyễn Thị	Quy	20/9/1997	Dương Hưu - Sơn Động - Bắc Giang	8,7	6,5	Đạt	
79	CNTT77	Dương Ngọc	Sinh	05/4/1998	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	9,0	Đạt	
80	CNTT78	Tạ Thị	Mai	10/01/1987	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,0	Đạt	
81	CNTT79	Đỗ Xuân	Thái	21/02/1981	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,2	5,5	Đạt	
82	CNTT80	Nguyễn Ngọc	Thán	25/10/1996	Bảo Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	2,5	0,0	Không đạt	
83	CNTT81	Thân Thị	Thanh	21/10/1988	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
84	CNTT82	Nguyễn Thị	Thảo	28/3/1996	An Thịnh - Lương Tài - Bắc Ninh	5,0	5,0	Đạt	
85	CNTT83	Vũ Mạnh	Thắng	21/02/1996	Neo - Yên Dũng - Bắc Giang	3,7	-	Không đạt	Bỏ thi TH
86	CNTT84	Nguyễn Thái	Thịnh	15/4/1977	Lạng Giang - Bắc Giang	6,7	5,0	Đạt	
87	CNTT85	Bùi Đình	Thọ	12/11/1987	Tràng An - Đông Triều - Quảng Ninh	5,0	6,0	Đạt	
88	CNTT86	Vũ Thị Hồng	Thoan	03/9/1989	Thanh Nghị - Thanh Liêm - Hà Nam	7,0	6,5	Đạt	
89	CNTT87	Hoàng Thị	Thu	08/6/1994	Đề Thám - Tràng Định - Lạng Sơn	7,2	6,5	Đạt	
90	CNTT88	Nguyễn Thị	Thu	05/9/1975	Tự Lan - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	Bảo lưu
91	CNTT89	Đình Văn	Tiến	16/02/1991	Khánh Thượng - Ba Vì - Hà Nội	7,7	7,0	Đạt	
92	CNTT90	Lê Ngọc Minh	Tiến	31/12/1998	Đoàn Đào - Phù Cừ - Hưng Yên	8,0	7,5	Đạt	
93	CNTT91	Lù Văn	Tiến	16/5/1991	Hoàng Su Phì - Hà Giang	8,0	7,5	Đạt	
94	CNTT92	Lê Anh	Tiếp	17/8/1966	Cầm Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,5	6,5	Đạt	
95	CNTT93	Nguyễn Hữu	Tiếp	07/8/1996	Chương Mỹ - Hà Nội	8,7	7,5	Đạt	
96	CNTT94	Nguyễn Văn	Toan	14/10/1974	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	8,7	5,5	Đạt	
97	CNTT95	Quách Tất	Toàn	06/10/1996	Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	5,7	5,0	Đạt	
98	CNTT96	Huỳnh Phan Hương	Trà	11/5/1997	Ninh Xá - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,0	5,5	Đạt	
99	CNTT97	Phạm Thị Kiều	Trinh	26/6/1999	Nam Hùng - Nam Trực - Nam Định	6,7	9,0	Đạt	
100	CNTT98	Phùng Thị Hồng	Trúc	07/01/1996	Liệp Tuyền - Quốc Oai - Hà Nội	6,2	3,5	Không đạt	
101	CNTT99	Nguyễn Phương	Trung	07/4/1995	Khắc Niệm - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,2	7,0	Đạt	
102	CNTT100	Phạm Đức	Trung	02/12/1998	Châu Giang - Duy Tiên - Hà Nam	6,2	9,0	Đạt	

103	CNTT101	Trần Văn	Trường	10/4/1997	Hùng An - Bắc Quang - Hà Giang	9,0	8,0	Đạt	
104	CNTT102	Ngô Văn	Tuấn	17/5/1968	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	6,0	Đạt	
105	CNTT103	Võ Thanh	Tuấn	14/02/1996	Bình Khê - Đông Triều - Quảng Ninh	9,2	3,5	Không đạt	
106	CNTT104	Bùi Thị Tú	Uyên	01/12/1998	Phúc Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	8,2	9,0	Đạt	
107	CNTT105	Phạm Bá	Vui	21/10/1982	Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang	7,5	7,5	Đạt	
108	CNTT106	Nguyễn Văn	Vượng	19/10/1994	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	Đạt	
109	CNTT107	Nguyễn Văn	Xếp	10/02/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	5,5	5,0	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

109

Số thí sinh bảo lưu:

6

Số thí sinh bỏ thi

1

Số thí sinh dự thi:

102

Số thí sinh đạt yêu cầu:

90

88,24%

Số thí sinh không đạt yêu cầu:

12

11,76%

Bắc Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã Ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Đã Ký)

Ths. Phan Văn Cường